

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2022

V/v: Ly hôn giữa chị M và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tô Như.

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 88 Nguyễn Văn Cừ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 56 Ngô Đức Kế, phường B1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa chị M có mặt, anh T vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2008 tại UBND phường B'Lao, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện T bộ không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng

quan điểm sống, mâu thuẫn trong công việc làm ăn, chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng xích mích, cãi vã không có Tg nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng là từ 01 năm trở lại đây, vợ chồng thường xuyên cãi vã không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Chị và anh T đã sống mỗi người một nơi từ tháng 8/2021 cho đến nay không còn quan tâm gì nhau. Nay tình cảm của chị và anh T không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Trung H, sinh ngày 20/02/2010; Trần Trung H1, sinh ngày 10/12/2011 và Trần Ngọc Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2015, hiện nay 03 con đang sống cùng anh T và ông bà nội. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2015, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị M khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Tuyết M đăng ký kết hôn đúng như chị M trình bày. Hôn nhân tự nguyện T bộ không ai bị ép buộc. Quá trình sống chung bình thường, vợ chồng chỉ mới phát sinh mâu thuẫn gần đây. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn trong công việc làm ăn kinh tế, vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã, trong lúc nóng giận anh có đuổi chị M ra khỏi nhà nhưng sau đó anh đã xin lỗi vợ và nói chị M trở về đoàn tụ nhưng chị M không đồng ý trở về chung sống nữa. Chị M và anh không còn sống chung từ tháng 8/2021 cho đến nay, chị M chỉ về nhà thăm các con chứ không ở lại. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị M và mong muốn gia đình được đoàn tụ để nuôi dạy các con, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như chị M trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị được nuôi 03 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai không có.

Tòa án đã T hành tiếp cận công khai chứng cứ ngày 25/5/2022 nhưng anh T có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, chị trình bày trước đây chị có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2015 nhưng nay cháu Trúc có nguyện vọng được sống với bố nên chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi 01 con chung là cháu Trần Trung H1, sinh ngày 10/12/2011, do chị hiện nay đang đi thuê nhà để sinh sống nên chị đồng ý giao 02 con chung là Trần Trung H, sinh ngày 20/02/2010 và Trần Ngọc Thanh Tr, sinh

ngày 04/02/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 còn chậm.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Tuyết M; Giao 01 con chung là Trần Trung H1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; Giao 02 con chung là Trần Trung H và Trần Ngọc Thanh Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M và anh T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: anh T và chị M khai không có nên không xem xét; Về án phí: Buộc chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại địa chỉ số 56 Ngõ Đức Kế, phường B' Lao, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Tuyết M và anh Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh T xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách, không đồng quan điểm trong cách làm ăn kinh tế, vợ chồng thường hay xảy ra xích mích, cãi vã. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng chị M, anh T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách làm kinh tế nên

vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cả chị M và anh T đều thừa nhận đã sống mỗi người một nơi từ tháng 8/2021 cho đến nay không ai còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi 01 con chung của chị M thấy rằng từ khi chị M và anh T không sống chung với nhau thì 03 con chung vẫn sống cùng anh T, chị M tuy không sống chung nhưng vẫn thăm nom và chăm sóc các con. Xét nguyện vọng của cháu Trần Trung H1 và cháu Trần Ngọc Thanh Tr mong muốn được sống với chị M, cháu Trần Trung H mong muốn được sống cùng anh T. Để đảm bảo cho các con về điều kiện sống và học tập nên giao 01 con chung Trần Trung H1, sinh ngày 10/12/2011 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao 02 con chung Trần Trung H, sinh ngày 20/02/2010 và Trần Ngọc Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M và anh T không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị M và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị M và anh T đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Tuyết M và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung Trần Trung H1, sinh ngày 10/12/2011 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; Giao 02 con chung Trần Trung H, sinh ngày 20/02/2010 và Trần Ngọc Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M và anh T không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M và anh T khai không có.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004758 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường B' Lao, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền